TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:212/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2022
V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Huê
- Bà Thái Thục Hiền

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu -Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:95/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1983.(Có mặt)

Địa chỉ: 004 Lô C c/c Tôn Thất Thuyết, phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: 41/1B Lương Văn Can, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày: Bà D và ông T sống chung từ năm 2018, có giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Uỷ ban nhân dân Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/01/2019. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông T.

Vợ chồng có con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 14/12/2018. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông T.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn trình bày: Ông T thống nhất như lời trình bày của bà D về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông T thống nhất việc ly hôn, tài sản chung và nợ chung như ý kiến trình bày của bà D. Ông T đề nghị được nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Yêu cầu của bà D là có căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà D, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T thuận tình ly hôn, tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, nợ chung: không có. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[3] Con chung: Có một con là Nguyễn Minh K, sinh ngày 14/12/2018. Xét thấy yêu cầu của bà D là được trực tiếp nuôi con, bà đã chứng minh được khả năng đảm bảo việc nuôi con, điều kiện chỗ ở, chăm sóc y tế, giáo dục cho trẻ K, đảm bảo cho việc phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Do đó việc bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông T đề nghị nuôi con và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nhưng ông không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đảm bảo điều kiện nuôi con mặc dù tại phiên tòa ông cho rằng ông có đủ điều kiện về vật chất, tinh thần cho việc nuôi con. Căn cứ vào điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thì đương sự có

nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, ông T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cho rằng việc ông T yêu cầu được nuôi con là không đảm bảo đầy đủ các điều kiện để trẻ K phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà D phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Phạm Thị D.

1.1 Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn Ông Nguyễn Minh T.

1.2. Con chung: Có con Nguyễn Minh K, sinh ngày 14/12/2018. Giao cho Bà Phạm Thị D trực tiếp nuôi con là Nguyễn Minh K, sinh ngày 14/12/2018. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông T cho đến khi bà Dung có đơn yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Đương sự tự xác nhận không có.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà D phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0044983 ngày 25/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà D đã thi hành xong án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM
- VKSND Q.8
- Chi cục THADS Quận 8
- UBND Phường 4, Quận 4.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giàu